VGP
Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 20.03.2015 10:45:37 +07:00

BỘ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do-Hạnh phúc
Số: 07/2015/TT-BLĐTBXH	*Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2015*

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CÔNG VĂN ĐẾN
Giờ ....5.. Ngày .15.13...
Kính chuyển: ...TTĐT.....

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Số: ...C.....
Ngày: 16/3/15

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm và Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm (sau đây được viết tắt là Nghị định số 196/2013/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm (sau đây được viết tắt là Nghị định số 52/2014/NĐ-CP);

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Việc làm,

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm và Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn những nội dung sau:

1. Hợp đồng dịch vụ việc làm, quản lý hoạt động dịch vụ việc làm và báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động dịch vụ việc làm theo quy định tại Nghị định số 196/2013/NĐ-CP và Nghị định số 52/2014/NĐ-CP.

2. Quy chế hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm theo quy định tại Nghị định 196/2013/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trung tâm dịch vụ việc làm theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 196/2013/NĐ-CP.

2. Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 52/2014/NĐ-CP.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 196/2013/NĐ-CP và Nghị định số 52/2014/NĐ-CP.

Điều 3. Hợp đồng dịch vụ việc làm

1. Trung tâm dịch vụ việc làm ký kết hợp đồng dịch vụ việc làm theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 196/2013/NĐ-CP, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm ký kết hợp đồng dịch vụ việc làm theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 52/2014/NĐ-CP, hợp đồng dịch vụ việc làm phải đảm bảo các nội dung sau: tên, địa chỉ liên hệ của các bên, nội dung cụ thể của dịch vụ việc làm cung cấp (số lượng, chất lượng, thời gian, địa điểm, phương thức thực hiện,...); quyền và nghĩa vụ của các bên; giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán; giải quyết tranh chấp, và các nội dung khác (nếu có).

2. Đối với hợp đồng dịch vụ việc làm có thực hiện việc giới thiệu hoặc cung ứng lao động, ngoài việc đảm bảo các nội dung tại khoản 1 Điều này phải có quy định về trách nhiệm theo dõi tình trạng việc làm của người lao động do Trung tâm dịch vụ việc làm hoặc doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm giới thiệu hoặc cung ứng theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định số 196/2013/NĐ-CP và khoản 3 Điều 5 Nghị định số 52/2014/NĐ-CP.

Điều 4. Quy chế hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm

Quy chế hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 196/2013/NĐ-CP được hướng dẫn như sau:

1. Nội dung của Quy chế hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm gồm: vị trí, chức năng nhiệm vụ của Trung tâm; cơ cấu tổ chức bộ máy; chức năng nhiệm vụ của các phòng ban; nguyên tắc hoạt động dịch vụ việc làm; thời giờ làm việc; quy trình thực hiện cung cấp các dịch vụ; trách nhiệm xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thị trường lao động; quy chế phối hợp công tác; thông tin liên lạc, lập biểu theo dõi các hoạt động dịch vụ việc làm của Trung tâm.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp Trung tâm dịch vụ việc làm ký ban hành Quy chế hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm.

3. Quy chế hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm được niêm yết công khai tại trụ sở của Trung tâm dịch vụ việc làm.

4. Giám đốc Trung tâm dịch vụ việc làm có trách nhiệm tổ chức, thực hiện Quy chế hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm.

Điều 5. Quản lý hoạt động dịch vụ việc làm

1. Trung tâm dịch vụ việc làm tiếp nhận đăng ký tư vấn, đăng ký tìm việc làm, đăng ký giới thiệu hoặc cung ứng lao động theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 5 Nghị định số 196/2013/NĐ-CP theo các mẫu số 01, 01a, 01b, 01c, 01d ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm theo dõi tình trạng việc làm của người lao động do Trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm giới thiệu hoặc cung ứng quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định số 196/2013/NĐ-CP và khoản 3 Điều 5 Nghị định số 52/2014/NĐ-CP theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động dịch vụ việc làm

1. Trước ngày 15 tháng 6 và 15 tháng 12 hằng năm, Trung tâm dịch vụ việc làm báo cáo định kỳ 6 tháng và hằng năm về tình hình hoạt động dịch vụ việc làm theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây được viết tắt là Sở Lao động – Thương binh và Xã hội).

2. Trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hằng năm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm báo cáo định kỳ 6 tháng và hằng năm về tình hình hoạt động dịch vụ việc làm, trong đó nêu rõ về tình hình hoạt động dịch vụ việc làm của từng chi nhánh (nếu có) theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chi nhánh hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi chi nhánh đặt địa điểm hoạt động về tình hình hoạt động dịch vụ việc làm theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trước ngày 20 tháng 6 và 20 tháng 12 hằng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo định kỳ 6 tháng và hằng năm về tình hình hoạt động dịch vụ việc làm của địa phương theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 04 năm 2015.

2. Thông tư số 20/2005/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 6 năm 2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 19/2005/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm và Thông tư số 27/2008/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 11 năm 2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung Thông tư số 20/2005/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 6 năm 2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 19/2005/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm và Nghị định số 71/2008/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2005/NĐ-CP làm hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu giải quyết./.

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

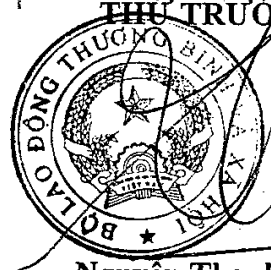

Nguyễn Thanh Hòa

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn Phòng Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Sở LĐTBXH các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Website Bộ LĐTBXH;
- Bộ LĐTBXH: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, Cục VL (30 bản).

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2015của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm và Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã Số*(TTDVVL ghi)* | NLĐ | |

ĐĂNG KÝ TƯ VẤN

(Dành cho người lao động)

1. Họ và tên (chữ in hoa):.....Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
2. Ngày, tháng, năm sinh:.....
3. Số chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu: .....
Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....
4. Địa chỉ liên hệ:.....
5. Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....
6. Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):
☐ Người khuyết tật ☐ Người dân tộc thiểu số ☐ Khác (.....)
7. Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất: .....
.....
8. Trình độ kỹ năng nghề (nếu có):.....
9. Ngoại ngữ:.....Trình độ: .....
10. Tin học:.....Trình độ: .....
11. Nội dung cần tư vấn:
☐ Việc làm ☐ Học nghề ☐ Chính sách, pháp luật lao động
☐ Khác (ghi rõ: .....)
12. Khả năng, sở trường : .....
.....
13. Nội dung khác: .....

....., ngày.....tháng.... năm.....

Người đăng ký tư vấn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 01a

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2015của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm và Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã Số*(TTDVVL ghi)* | TVTT | |

ĐĂNG KÝ TƯ VẤN

(Dành cho tập thể người lao động)

1. Họ và tên (chữ in hoa):.....Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

2: Ngày, tháng, năm sinh:.....

3. Số chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu: .....

Ngày cấp: ...../..../..... Nơi cấp: .....

4. Địa chỉ liên hệ:.....

5. Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....

6. Đại diện:

- Tập thể người lao động đến từ: .....
- Số lượng người: .....

7. Nội dung cần tư vấn:

☐ Việc làm ☐ Học nghề ☐ Chính sách, pháp luật lao động

☐ Khác (ghi rõ: .....)

8. Thời gian đăng ký tư vấn: .....

....., ngày.....tháng.... năm.....

Người đại diện đăng ký tư vấn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 01b

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2015của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm và Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã Số*(TTDVVL ghi)*	SDLĐ	

ĐĂNG KÝ TƯ VẤN

(Dành cho người sử dụng lao động)

1. Tên doanh nghiệp/đơn vị:.....

2. Ngành sản xuất, kinh doanh chính:.....

3. Địa chỉ:.....

4. Điện thoại:.....Fax:.....

5. Email:.....Website:.....

6. Người đăng ký tư vấn:.....Chức vụ:.....

Điện thoại:.....Email:.....

7. Nội dung cần tư vấn:

☐ Chính sách, pháp luật lao động

☐ Tuyển lao động, quản trị và phát triển nguồn nhân lực

☐ Sử dụng lao động và phát triển việc làm

☐ Khác (ghi rõ:.....)

8. Thời gian đăng ký tư vấn: .....

....., ngày.....tháng.... năm.....

Người đăng ký tư vấn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 01c

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm và Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã Số *(TTDVVL ghi)* | TVL | |

ĐĂNG KÝ TÌM VIỆC LÀM

1. Họ và tên (chữ in hoa): .....Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
2. Ngày, tháng, năm sinh: .....
3. Dân tộc: ..... Tôn giáo: .....
4. Số chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:.....
   Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....
5. Tình trạng hôn nhân: ☐ Độc thân ☐ Kết hôn
6. Địa chỉ đăng ký thường trú: .....
7. Địa chỉ đăng ký tạm trú (nếu có): .....
8. Địa chỉ liên hệ: .....
9. Điện thoại liên lạc: .....Fax: .....E-mail:.....
10. Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):

☐ Người khuyết tật

☐ Người dân tộc thiểu số

☐ Khác (ghi rõ đối tượng ưu tiên: .....)

11. Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất: .....
12. Trình độ kỹ năng nghề (nếu có): .....
13. Ngoại ngữ: .....Trình độ.....
14. Các chứng chỉ khác (nếu có):.....
15. Khả năng, sở trường : .....

.....

16. Quá trình làm việc:

Stt	Đơn vị làm việc	Thời gian làm việc (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Vị trí việc làm
1			
2			
3			
...			

17. Công việc/vị trí việc làm đăng ký :

- Tên công việc/vị trí việc làm: .....
- Địa điểm: .....
- Mức lương: .....
- Yêu cầu khác: .....

.....

....., ngày.....tháng.... năm.....

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 01d

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm và Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã Số *(TTDVVL ghi)* | NC | |

ĐĂNG KÝ GIỚI THIỆU/CUNG ỨNG LAO ĐỘNG

1. Tên doanh nghiệp/ đơn vị:.....
2. Ngành sản xuất, kinh doanh chính:.....
3. Địa chỉ:.....
4. Điện thoại:.....Fax:.....
5. Email:.....Website:.....
6. Người đăng ký giới thiệu/cung ứng lao động: .....

Chức vụ: .....

Điện thoại:.....Email:.....

7. Các vị trí việc làm cần giới thiệu/cung ứnglao động:

STT	Công việc/Vị trí việc làm	Số lượng	Giới tính	Trình độ chuyên môn kỹ thuật	Ưu tiên	Yêu cầu khác	Mã số việc làm
1							
2							
3							
...							

8. Thời hạn kết thúc giới thiệu/cung ứng lao động :.....

....., ngày.....tháng.... năm.....

Người đăng ký giới thiệu/cung ứnglao động
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02: Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2015của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm và Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm

TÊN TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM/
TÊN DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM

THEO DÕI TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC GIỚI THIỆU HOẶC CUNG ỨNG

STT	Tên người lao động	Mã số người lao động	Ngày bắt đầu làm việc	Ngày kết thúc hợp đồng	Tên doanh nghiệp	Vị trí việc làm	Mã số việc làm	Địa chỉ của doanh nghiệp	Mức lương được hưởng	Các chế độ khác (nếu có)	Ngày kết thúc làm việc thực tế	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1												
2												
3												
4												
5												
...												

Ghi chú:

Cột 3: Trung tâm dịch vụ việc làm/Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm ghi mã số mà Trung tâm/Doanh nghiệp đã đặt cho người lao động tại mẫu 01c.

Cột 5: Ghi ngày kết thúc hợp đồng, đối với Hợp đồng lao động không xác định thời hạn thì ghi KXĐ.

Cột 8: Trung tâm dịch vụ việc làm/Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm ghi mã số việc làm mà doanh nghiệp đã đặt tại mục 7 mẫu 01d.

Mẫu số 03: Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm và Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm

CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN TRỰC TIẾP
TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM SÁU THÁNG ĐẦU NĂM (HOẶC CẢ NĂM).....

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Trụ sở, chi nhánh, văn phòng của Trung tâm *(nêu rõ địa chỉ của trụ sở chính, từng chi nhánh, văn phòng của Trung tâm)*

2. Tổ chức, biên chế của Trung tâm

STT	Chỉ tiêu	Tổng số (Người)	Trong đó số người là công chức, viên chức	Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất (Người)		
				Đại học trở lên	Cao đẳng	Khác
1	*2*	*3*	*4*	*6*	*7*	*8*
	Tổng số người					
1	Lãnh đạo Trung tâm					
2	Tổ chức hành chính, kế toán, ...					
3	Tư vấn					
4	Giới thiệu việc làm, cung ứng và tuyển lao động					
5	Thu thập, phân tích và cung ứng thông tin thị trường lao động					
6	Bảo hiểm thất nghiệp *(nếu có)*					
7	Dạy nghề *(nếu có)*					
8	Khác					

3. Cơ sở vật chất

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số
1	*2*	*3*	*4*
1	Tổng diện tích đất	m^2	
2	Diện tích sử dụng	m^2	
3	Giá trị trang thiết bị	Triệu đồng	

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện trong kỳ trước	Kỳ báo cáo	
				Kế hoạch sáu tháng (hoặc cả năm)	Thực hiện
1	**Tổ chức sàn giao dịch việc làm**				
1.1	Tần suất tổ chức sàn giao dịch việc làm	Lần/quý			
1.2	Số phiên đã thực hiện	Phiên			
1.3	Số doanh nghiệp tham gia sàn giao dịch việc làm	Doanh nghiệp			
1.4	Số người lao động được tư vấn tại sàn giao dịch việc làm	Người			
1.5	Số người lao động được phỏng vấn tại sàn giao dịch việc làm	Người			
1.6	Số người lao động nhận được việc làm sau khi phỏng vấn tại sàn giao dịch việc làm	Người			
2	**Hoạt động tư vấn**				
2.1	Số người lao động được tư vấn	Người			
a	Số người là phụ nữ	Người			
b	Số người là người khuyết tật	Người			
c	Số người là người dân tộc thiểu số	Người			
d	Số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật (từ Sơ cấp nghề trở lên)	Người			
2.2	Số người lao động được tư vấn chia theo loại tư vấn	Người			
a	Tư vấn về việc làm	Người			
b	Tư vấn về học nghề	Người			
c	Tư vấn về chính sách, pháp luật lao động	Người			
d	Tư vấn khác	Người			
2.3	Số người lao động được tư vấn chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất (a+b+c+d)	Người			
a	Sơ cấp nghề	Người			
b	Trung cấp	Người			
c	Cao đẳng	Người			
d	Đại học trở lên	Người			
2.4	Số người sử dụng lao động được tư vấn	Người			
3	**Hoạt động giới thiệu việc làm, cung ứng và tuyển lao động**				
3.1	Số người đăng ký tìm việc làm	Người			
a	Số người là phụ nữ	Người			
b	Số người là người khuyết tật	Người			
c	Số người là người dân tộc thiểu số	Người			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện trong kỳ trước	Kỳ báo cáo	
				Kế hoạch sáu tháng (hoặc cả năm)	Thực hiện
d	Số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật (từ Sơ cấp nghề trở lên)	Người			
3.2	Số người được giới thiệu việc làm	Người			
a	Số người là phụ nữ	Người			
b	Số người là người khuyết tật	Người			
c	Số người là người dân tộc thiểu số	Người			
d	Số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật (từ Sơ cấp nghề trở lên)	Người			
3.3	Số người được tuyển dụng do Trung tâm giới thiệu	Người			
a	Số người là phụ nữ	Người			
b	Số người là người khuyết tật	Người			
c	Số người là người dân tộc thiểu số	Người			
d	Số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật (từ Sơ cấp nghề trở lên)	Người			
3.4	Số lao động do người sử dụng lao động đề nghị giới thiệu, cung ứng và tuyển lao động	Người			
a	Số người là phụ nữ	Người			
b	Số người là người khuyết tật	Người			
c	Số người là người dân tộc thiểu số	Người			
d	Số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật (từ Sơ cấp nghề trở lên)	Người			
3.5	Số lao động đã giới thiệu, cung ứng và tuyển theo đề nghị của người sử dụng lao động	Người			
a	Số người là phụ nữ	Người			
b	Số người là người khuyết tật	Người			
c	Số người là người dân tộc thiểu số	Người			
d	Số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật (từ Sơ cấp nghề trở lên)	Người			
3.6	Số lao động đã giới thiệu, cung ứng và tuyển được người sử dụng lao động tuyển dụng	Người			
a	Số người là phụ nữ	Người			
b	Số người là người khuyết tật	Người			
c	Số người là người dân tộc thiểu số	Người			
d	Số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật (từ Sơ cấp nghề trở lên)	Người			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện trong kỳ trước	Kỳ báo cáo	
				Kế hoạch sáu tháng (hoặc cả năm)	Thực hiện
4	**Tổ chức đào tạo, tập huấn (nếu có)**				
4.1	Số người được Trung tâm dịch vụ việc làm đào tạo, nâng cao kỹ năng	Người			
a	Số người tham gia các khóa đào tạo kỹ năng (kỹ năng xin việc, phỏng vấn, làm việc nhóm,...)	Người			
b	Số người tham gia các khóa đào tạo nghề nghiệp	Người			
4.2	Số người được Trung tâm dịch vụ việc làm đào tạo tìm được việc làm qua Trung tâm	Người			
5	**Thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp (nếu có)**				
5.1	Số người lao động đã nộp hồ sơ đề nghị hưởng bảo hiểm thất nghiệp	Người			
5.2	Số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp hằng tháng	Người			
5.3	Số người được tư vấn, giới thiệu việc làm	Người			
5.4	Số người được hỗ trợ học nghề	Người			

6. Thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động

- Kết quả thu thập thông tin thị trường lao động.
- Kết quả phân tích, dự báo thị trường lao động.
- Kết quả cung ứng thông tin thị trường lao động: Hình thức cung ứng, phương pháp cung ứng.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác (nếu có)

III. ĐÁNH GIÁ

1. Những mặt được.
2. Những hạn chế và nguyên nhân.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (nếu có)

....., ngày..... tháng..... năm....

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Báo cáo sáu tháng đầu năm Trung tâm Dịch vụ việc làm không báo cáo mục I.

Mẫu số 04: Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm và Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm

TÊN DOANH NGHIỆP/CHI NHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM SÁU THÁNG ĐẦU NĂM (HOẶC CẢ NĂM)

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội .....

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP/CHI NHÁNH:

1. Tên doanh nghiệp/Chi nhánh: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Điện thoại: .....Fax: .....

4. Giấy phép số: .....Nơi cấp.....

5. Mã số thuế:.....Email.....

6 Số chi nhánh hoạt động dịch vụ việc làm : ....., cụ thể (địa điểm chi nhánh).

7. Cơ sở vật chất, nhân sự

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó				Ghi chú
				Tư vấn, giới thiệu, cung ứng và tuyển lao động	Thông tin thị trường lao động	Dạy nghề	Khác	
1	Diện tích sử dụng	m^2						
2	Trang thiết bị	Triệu đồng						
3	Tổng số người của doanh nghiệp/Chi nhánh	Người						
	Số người làm công tác dịch vụ việc làm	Người						
	Số người làm công tác dịch vụ việc làm có trình độ từ Cao đẳng trở lên	Người						

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện trong kỳ trước	Kỳ báo cáo	
				Kế hoạch sáu tháng đầu năm (cả năm)	Thực hiện
1	**Hoạt động tư vấn**				
1.1	Số người lao động được tư vấn	Người			
a	Số người lao động được tư vấn chia theo loại tư vấn				
	- Tư vấn về việc làm	Người			
	- Tư vấn về học nghề	Người			
	- Tư vấn về chính sách, pháp luật lao động	Người			
	- Tư vấn khác	Người			
b	Số người lao động được tư vấn chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất				
	- Sơ cấp nghề	Người			
	- Trung cấp	Người			
	- Cao đẳng	Người			
	- Đại học trở lên	Người			
1.2	Số người sử dụng lao động được tư vấn	Người			
2	**Hoạt động giới thiệu việc làm, cung ứng và tuyển lao động**				
2.1	Số người đăng ký tìm việc làm	Người			
	Trong đó số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật:	Người			
a	Sơ cấp nghề	Người			
b	Trung cấp	Người			
c	Cao đẳng	Người			
d	Đại học trở lên	Người			
2.2	Số người được giới thiệu việc làm	Người			
	Trong đó số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật:	Người			
a	Sơ cấp nghề	Người			
b	Trung cấp	Người			
c	Cao đẳng	Người			
d	Đại học trở lên	Người			
2.3	Số người được tuyển dụng do Doanh nghiệp/Chi nhánh giới thiệu	Người			
	Trong đó số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật:	Người			
a	Sơ cấp nghề	Người			
b	Trung cấp	Người			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện trong kỳ trước	Kỳ báo cáo	
				Kế hoạch sáu tháng đầu năm (cả năm)	Thực hiện
c	Cao đẳng	Người			
d	Đại học trở lên	Người			
2.4	Số lao động do người sử dụng lao động đề nghị giới thiệu, cung ứng và tuyển lao động	Người			
	Trong đó số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật:	Người			
a	Sơ cấp nghề	Người			
b	Trung cấp	Người			
c	Cao đẳng	Người			
d	Đại học trở lên	Người			
2.5	Số lao động đã giới thiệu, cung ứng và tuyển theo đề nghị của người sử dụng lao động	Người			
	Trong đó số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật:	Người			
a	Sơ cấp nghề	Người			
b	Trung cấp	Người			
c	Cao đẳng	Người			
d	Đại học trở lên	Người			
2.6	Số lao động đã giới thiệu, cung ứng và tuyển được người sử dụng lao động tuyển dụng	Người			
	Trong đó số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật:	Người			
a	Sơ cấp nghề	Người			
b	Trung cấp	Người			
c	Cao đẳng	Người			
d	Đại học trở lên	Người			
3	**Tổ chức đào tạo, tập huấn (nếu có)**				
3.1	Số người được Doanh nghiệp/Chi nhánh đào tạo, nâng cao kỹ năng	Người			
	Trong đó:				
a	Số người tham gia các khóa đào tạo kỹ năng (kỹ năng xin việc, phỏng vấn, làm việc nhóm,...)	Người			
b	Số người tham gia các khóa đào tạo nghề nghiệp	Người			
3.2	Số người được Doanh nghiệp/Chi nhánh đào tạo tìm được việc làm qua Doanh nghiệp	Người			

....., ngày..... tháng..... năm....

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05: Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm và Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM SÁU THÁNG ĐẦU NĂM (HOẶC CẢ NĂM)

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

I. THÔNG TIN VỀ LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Thực hiện trong kỳ trước	Kỳ báo cáo	
				Kế hoạch sáu tháng đầu năm (cả năm)	Thực hiện
1	**Dân số**	Người			
	Trong đó:				
	Dân số ở khu vực nông thôn	Người			
	Dân số ở khu vực thành thị	Người			
	Dân số là nữ giới	Người			
2	**Lực lượng lao động (từ 15 tuổi trở lên)**	Người			
	Trong đó:				
	Lực lượng lao động ở khu vực nông thôn	Người			
	Lực lượng lao động ở khu vực thành thị	Người			
	Lực lượng lao động là nữ giới	Người			
3	**Số Lao động có việc làm**	Người			
	Trong đó:				
	Số lao động có việc làm ở khu vực nông thôn	Người			
	Số lao động có việc làm ở khu vực thành thị	Người			
	Số lao động có việc làm là nữ giới	Người			
4	**Tỷ lệ thất nghiệp**	%			
	Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị	%			
	Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15 tuổi đến 24 tuổi)	%			
5	**Tỷ lệ thiếu việc làm**	%			

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC DỊCH VỤ VIỆC LÀM TRÊN ĐỊA BÀN

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng kỳ trước	Biến động trong kỳ		Tổng số hiện tại
				Tăng	Giảm	
1	Trung tâm dịch vụ việc làm	Trung tâm				
a	Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập	Trung tâm				
b	Trung tâm dịch vụ việc làm do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập	Trung tâm				
c	Trung tâm dịch vụ việc làm do người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội cấp Trung ương quyết định thành lập	Trung tâm				
2	Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Doanh nghiệp				
3	Chi nhánh của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm của Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương khác hiện có trên địa bàn quản lý	Chi nhánh				

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện trong kỳ trước	Kỳ báo cáo	
				Kế hoạch sáu tháng (hoặc cả năm)	Thực hiện
1	**Tổ chức sàn giao dịch việc làm**				
1.1	Tần suất tổ chức sàn giao dịch việc làm	Lần/quý			
1.2	Số phiên đã thực hiện	Phiên			
1.3	Số doanh nghiệp tham gia sàn giao dịch việc làm	Doanh nghiệp			
1.4	Số người lao động được tư vấn tại sàn giao dịch việc làm	Người			
1.5	Số người lao động được phỏng vấn tại sàn giao dịch việc làm	Người			
1.6	Số người lao động nhận được việc làm sau khi phỏng vấn tại sàn giao dịch việc làm	Người			
2	**Hoạt động tư vấn**				
2.1	Số người lao động được tư vấn	Người			
a	Số người là phụ nữ	Người			
b	Số người là người khuyết tật	Người			
c	Số người là người dân tộc thiểu số	Người			
d	Số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật (từ Sơ cấp nghề trở lên)	Người			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện trong kỳ trước	Kỳ báo cáo	
				Kế hoạch sáu tháng (hoặc cả năm)	Thực hiện
2.2	Số người lao động được tư vấn chia theo loại tư vấn	Người			
a	Tư vấn về việc làm	Người			
b	Tư vấn về học nghề	Người			
c	Tư vấn về chính sách, pháp luật lao động	Người			
d	Tư vấn khác	Người			
2.3	Số người lao động được tư vấn chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất (a+b+c+d)	Người			
a	Sơ cấp nghề	Người			
b	Trung cấp	Người			
c	Cao đẳng	Người			
d	Đại học trở lên	Người			
2.4	Số người sử dụng lao động được tư vấn	Người			
3	**Hoạt động giới thiệu việc làm, cung ứng và tuyển lao động**				
3.1	Số người đăng ký tìm việc làm	Người			
a	Số người là phụ nữ	Người			
b	Số người là người khuyết tật	Người			
c	Số người là người dân tộc thiểu số	Người			
d	Số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật (từ Sơ cấp nghề trở lên)	Người			
3.2	Số người được giới thiệu việc làm	Người			
a	Số người là phụ nữ	Người			
b	Số người là người khuyết tật	Người			
c	Số người là người dân tộc thiểu số	Người			
d	Số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật (từ Sơ cấp nghề trở lên)	Người			
3.3	Số người được tuyển dụng do Trung tâm giới thiệu	Người			
a	Số người là phụ nữ	Người			
b	Số người là người khuyết tật	Người			
c	Số người là người dân tộc thiểu số	Người			
d	Số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật (từ Sơ cấp nghề trở lên)	Người			
3.4	Số lao động do người sử dụng lao động đề nghị giới thiệu, cung ứng và tuyển lao động	Người			
a	Số người là phụ nữ	Người			
b	Số người là người khuyết tật	Người			
c	Số người là người dân tộc thiểu số	Người			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện trong kỳ trước	Kỳ báo cáo	
				Kế hoạch sáu tháng (hoặc cả năm)	Thực hiện
d	Số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật (từ Sơ cấp nghề trở lên)	Người			
3.5	Số lao động đã giới thiệu, cung ứng và tuyển theo đề nghị của người sử dụng lao động	Người			
a	Số người là phụ nữ	Người			
b	Số người là người khuyết tật	Người			
c	Số người là người dân tộc thiểu số	Người			
d	Số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật (từ Sơ cấp nghề trở lên)	Người			
3.6	Số lao động đã giới thiệu, cung ứng và tuyển được người sử dụng lao động tuyển dụng	Người			
a	Số người là phụ nữ	Người			
b	Số người là người khuyết tật	Người			
c	Số người là người dân tộc thiểu số	Người			
d	Số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật (từ Sơ cấp nghề trở lên)	Người			
4	**Tổ chức đào tạo, tập huấn (nếu có)**				
4.1	Số người được Trung tâm dịch vụ việc làm đào tạo, nâng cao kỹ năng	Người			
a	Số người tham gia các khóa đào tạo kỹ năng (kỹ năng xin việc, phỏng vấn, làm việc nhóm,...)	Người			
b	Số người tham gia các khóa đào tạo nghề nghiệp	Người			
4.2	Số người được Trung tâm dịch vụ việc làm đào tạo tìm được việc làm qua Trung tâm	Người			
5	**Thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp (nếu có)**				
5.1	Số người lao động đã nộp hồ sơ đề nghị hưởng bảo hiểm thất nghiệp	Người			
5.2	Số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng	Người			
5.3	Số người được tư vấn, giới thiệu việc làm	Người			
5.4	Số người được hỗ trợ học nghề	Người			

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM CỦA DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện trong kỳ trước	Kỳ báo cáo	
				Kế hoạch sáu tháng đầu năm (cả năm)	Thực hiện
1	**Hoạt động tư vấn**				
1.1	Số người lao động được tư vấn	Người			
a	Số người lao động được tư vấn chia theo loại tư vấn				
	- Tư vấn về việc làm	Người			
	- Tư vấn về học nghề	Người			
	- Tư vấn về chính sách, pháp luật lao động	Người			
	- Tư vấn khác	Người			
b	Số người lao động được tư vấn chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất				
	- Sơ cấp nghề	Người			
	- Trung cấp	Người			
	- Cao đẳng	Người			
	- Đại học trở lên	Người			
1.2	Số người sử dụng lao động được tư vấn	Người			
2	**Hoạt động giới thiệu việc làm, cung ứng và tuyển lao động**				
2.1	Số người đăng ký tìm việc làm	Người			
	Trong đó số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật:	Người			
a	Sơ cấp nghề	Người			
b	Trung cấp	Người			
c	Cao đẳng	Người			
d	Đại học trở lên	Người			
2.2	Số người được giới thiệu việc làm	Người			
	Trong đó số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật:	Người			
a	Sơ cấp nghề	Người			
b	Trung cấp	Người			
c	Cao đẳng	Người			
d	Đại học trở lên	Người			
2.3	Số người được tuyển dụng do Doanh nghiệp/Chi nhánh giới thiệu	Người			
	Trong đó số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật:	Người			
a	Sơ cấp nghề	Người			
b	Trung cấp	Người			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện trong kỳ trước	Kỳ báo cáo	
				Kế hoạch sáu tháng đầu năm (cả năm)	Thực hiện
c	Cao đẳng	Người			
d	Đại học trở lên	Người			
2.4	Số lao động do người sử dụng lao động đề nghị giới thiệu, cung ứng và tuyển lao động	Người			
	Trong đó số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật:	Người			
a	Sơ cấp nghề	Người			
b	Trung cấp	Người			
c	Cao đẳng	Người			
d	Đại học trở lên	Người			
2.5	Số lao động đã giới thiệu, cung ứng và tuyển theo đề nghị của người sử dụng lao động	Người			
	Trong đó số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật:	Người			
a	Sơ cấp nghề	Người			
b	Trung cấp	Người			
c	Cao đẳng	Người			
d	Đại học trở lên	Người			
2.6	Số lao động đã giới thiệu, cung ứng và tuyển được người sử dụng lao động tuyển dụng	Người			
	Trong đó số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật:	Người			
a	Sơ cấp nghề	Người			
b	Trung cấp	Người			
c	Cao đẳng	Người			
d	Đại học trở lên	Người			
3	**Tổ chức đào tạo, tập huấn (nếu có)**				
3.1	Số người được Doanh nghiệp/Chi nhánh đào tạo, nâng cao kỹ năng	Người			
	Trong đó:				
a	Số người tham gia các khóa đào tạo kỹ năng (kỹ năng xin việc, phỏng vấn, làm việc nhóm,…)	Người			
b	Số người tham gia các khóa đào tạo nghề nghiệp	Người			
3.2	Số người được Doanh nghiệp/Chi nhánh đào tạo tìm được việc làm qua Doanh nghiệp	Người			

4. Thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động

- Kết quả thu thập thông tin thị trường lao động
- Kết quả phân tích, dự báo thị trường lao động.
- Kết quả cung ứng thông tin thị trường lao động.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác (nếu có).

....., ngày..... tháng..... năm....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
Kết quả hoạt động dịch vụ việc làm của Trung tâm dịch vụ việc làm tại mục II bao gồm kết quả hoạt động của các Trung tâm trên địa bàn quản lý, gồm: Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập; Trung tâm dịch vụ việc làm do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập; Trung tâm dịch vụ việc làm do người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội cấp Trung ương quyết định thành lập